

CAU CHUỘT A ĐANG (*Pinanga adangensis* Ridl.) THUỘC HỌ CAU (Arecaceae) - LOÀI BỔ SUNG CHO KHU HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM TẠI VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC

Nguyễn Quốc Dụng¹, Trần Ngọc Hải², Andrew Henderson³, Nguyễn Phú Nam⁴

¹*Viện Điều tra, Quy hoạch rừng*

²*Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam*

³*Viện Hệ thống Thực vật, Vườn Thực vật New York, Hoa Kỳ*

⁴*Huyện đảo Phú Quốc, Kiên Giang*

TÓM TẮT

Trong chương trình hợp tác giữa Vườn thực vật New York và các chuyên gia nghiên cứu về họ Cau ở Việt Nam, đã ghi nhận bổ sung loài Cau chuột a đang *Pinanga adangensis* Ridl. tăng số loài trong chi *Pinanga* lên 9 loài cho khu hệ thực vật Việt Nam. Trước khi được ghi nhận ở Việt Nam, loài này chỉ thấy phân bố tại Bán đảo Thái Lan và Bán đảo Malaysia, sinh cảnh đặc biệt ưa thích là rừng trên các đảo nhiệt đới. Đây là loài thực vật có kích thước nhỏ, mọc thành bụi dưới tán rừng, cao khoảng 7 m, đường kính 4 cm. Cây có hình thái tán lá đẹp, có tiềm năng làm cây cảnh. Cây có sinh cảnh sống hẹp, mới chỉ phát hiện ở một vài điểm nơi ẩm ướt, ven suối dưới tán rừng tại Vườn quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Từ khóa: Cau chuột, ghi nhận bổ sung, họ Cau, Phú Quốc.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Họ Cau (Arecaceae hay Palmae) là họ thực vật nhiệt đới có khoảng 252 chi gồm 2.522 loài, phân bố chủ yếu ở các nước nhiệt đới Châu Á và Châu Mỹ Latinh (Dransfield, J. và cộng sự, 2008). Chi *Pinanga* gồm 131 loài có hình dạng thân cau, thấp nhỏ, dưới tán rừng, phân bố ở Nam Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á tới New Guinea (Dransfield, J. và cộng sự, 2008). Phần lớn các loài trong chi này có tiềm năng làm cảnh, nhiều loài trong số chúng đã được trồng cảnh ở Việt Nam và các nước nhiệt đới, á nhiệt đới. Ở Việt Nam, thực vật trong họ Cau có số lượng loài không lớn, khoảng 100 loài trong tự nhiên (Henderson, A., 2009), nhưng đóng vai trò rất quan trọng trong hệ sinh thái rừng bởi số lượng cá thể vượt trội của chúng so với các họ thực vật khác ở tầng dưới tán và ngoại tầng (dây leo) trong cấu trúc rừng thường xanh. Trong số các nhóm thực vật họ Cau phân bố dưới tán rừng, chi Cau chuột *Pinanga* thường là cây bụi nhỏ, nhưng có số lượng cá thể đáng kể.

Trong chương trình hợp tác giữa Vườn thực vật New York và Viện Điều tra, Quy hoạch rừng và có sự tham gia của các nhà thực vật, đã triển khai nghiên cứu toàn diện thực vật họ Cau ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay. Trong

đợt khảo sát, nghiên cứu tại Vườn quốc gia Phú Quốc, nhóm tác giả đã phát hiện và ghi nhận bổ sung một loài cau chuột *Pinanga adangensis* cho khu hệ thực vật Việt Nam. Trước khi ghi nhận bổ sung loài *Pinanga adangensi* thì chi *Pinanga* ở Việt Nam có 8 loài (Henderson, A., 2009), phân bố chủ yếu trong rừng thường xanh nhiệt đới ẩm vùng thấp hoặc á nhiệt đới núi thấp.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Xác định vùng nghiên cứu: Trên cơ sở các thông tin cơ sở ban đầu gồm: các yếu tố tự nhiên như địa hình, khí hậu, thủy văn, thảm thực vật điển hình, tình hình quản lý tài nguyên rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hay rừng sản xuất), từ đó xác định những vùng có điều kiện sinh thái phù hợp với thực vật họ Cau, trong đó Vườn quốc gia Phú Quốc là một trong những điểm ưu tiên triển khai nghiên cứu.

Khảo sát thực địa: Nhóm nghiên cứu thảo luận với lãnh đạo, cán bộ Vườn quốc gia Phú Quốc và người dân để xác định các điểm nghiên cứu cụ thể trong khu vực. Trên cơ sở các thông tin ban đầu đó, nhóm nghiên cứu thiết kế các tuyến điều tra tiếp cận vùng phân bố họ Cau và mở rộng điều tra ở các vùng lân cận. Trong quá trình khảo sát, tiến hành xác định vị trí phân bố của loài, thu thập mẫu tiêu

bản, chụp ảnh sinh cảnh sống và ảnh chi tiết về loài, ghi chép các đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh thái... Sử dụng kiến thức bản địa cùng với người dân xác định vùng phân bố mở rộng, tên địa phương, tình hình sử dụng...

Nghiên cứu trong phòng: Sử dụng phương pháp truyền thống là phân tích đặc điểm hình thái, so sánh với các mẫu vật thu được trong toàn quốc và so sánh với các mẫu vật ở bảo tàng nước ngoài. Sau khi mô tả loài, tiến hành so sánh với các tài liệu mô tả về chi *Pinanga*, đặc biệt là các tác giả đã nghiên cứu trong nước như: Gagnepain trong “Hệ thực vật Đông Dương” (Gagnepain et Conrad, 1937); Phạm Hoàng Hộ trong “Cây cỏ Việt Nam” (Phạm Hoàng Hộ, 1999); Trần Phương Anh trong luận án tiến sĩ nghiên cứu về họ Cau ở Việt Nam (Trần Phương Anh, 2008); các loài trong chi *Pinanga* mà nhóm tác giả đã công bố (Henderson, A., N. K. Ban & N. Q. Dung, 2008); các tài liệu nước ngoài như Andrew Henderson trong “Cẩm nang về Cau dừa ở Nam Á” (Henderson, A., 2009). Tiếp đó, tiến hành so sánh với mẫu chuẩn mô tả loài tại Vườn Thực vật Kew, Vương quốc Anh.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, đặc điểm vùng phân bố, nhóm nghiên cứu đã quyết định tổ chức khảo sát họ Cau dừa (Arecaceae) ở Vườn quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Trong đợt khảo sát này, nhóm nghiên cứu đã thu thập toàn bộ mẫu tiêu bản của các loài thực vật họ Cau phân bố tại Phú Quốc. Trong quá trình phân tích và định loại, nhóm đã phát hiện mẫu tiêu bản của một loài cau chuột chưa từng được thu thập và mô tả có ở Việt Nam. Nhóm tác giả đã sơ bộ xác định ngay tại hiện trường đây là loài có khả năng liên quan tới một trong những loài Cau chuột phân bố ở các quốc gia phía Nam như Campuchia, Thái Lan hoặc Malaysia. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập 3 số hiệu mẫu tiêu bản của loài này tại đảo Phú Quốc để phục vụ nghiên cứu, cụ thể như sau:

Mẫu 1: ký hiệu A. Henderson & Nguyen Quoc Dung 3745; ngày thu mẫu 17 tháng 8

năm 2011; tọa độ địa lý: 10.381 N, 104.004 E; độ cao so với mực nước biển: 60 m.

Mẫu 2: A. Henderson & Nguyen Quoc Dung 3746; ngày thu mẫu 17 tháng 8 năm 2011; tọa độ địa lý: 10.381 N, 104.004 E; độ cao so với mực nước biển: 60 m.

Mẫu 3: A. Henderson & Nguyen Quoc Dung 3749; Ngày thu mẫu: 17 tháng 8 năm 2011; tọa độ địa lý: 10.353 N, 103.983 E; độ cao so với mực nước biển 10 m.

Cho đến nay, đây là 3 số hiệu mẫu tiêu bản đầu tiên và duy nhất của loài này được thu thập ở Việt Nam. Các mẫu tiêu bản thu thập được đang được lưu trữ tại Bảo tàng Tài nguyên rừng Việt Nam (Viện Điều tra, Quy hoạch rừng) và Vườn thực vật New York (Hoa Kỳ). Để phân tích và xác định loài, nhóm nghiên cứu đã xây dựng khóa định loại cho chi *Pinanga* ở Việt Nam như sau:

Khóa định loại chi *Pinanga* ở Việt Nam:

1a. Bẹ lá không tạo thành vành thân rõ; hoa tự chồi ra từ lá bẹ mục, không rụng.....2

1b. Bẹ lá tạo thành vành thân rõ; hoa tự sinh ra ở dưới lá và phát triển sau khi lá rụng3

2a. Hoa và quả xếp xoắn ốc trên cành hoa; trục lá dài tới 1 m, có từ 9 - 13 lá chết mỗi bên *P. cattienensis*

2b. Hoa và quả xếp thành 2 hàng đối diện nhau trên cành hoa; trục lá dài 0,4 m có 5 - 7 lá chết mỗi bên *P. humilis*

3a. Hoa tự không phân nhánh; cành hoa dài 6-10 cm; nội nhũ đồng nhất.....4

3b. Hoa tự phân nhánh, hiếm khi không phân nhánh; cành hoa dài 9,5 - 29 cm; nội nhũ không đồng nhất5

4a. Hoa tự rủ xuống; các hoa cái có đài và tràng dính với nhau dạng hình chén..... *P. cupularis*

4b. Hoa tự thẳng đứng, các hoa cái rời, đài và tràng xếp lợp nhau *P. kontumensis*

5a. Thân mọc thành bụi lớn, mặt cắt cành hoa hình tam giác; bẹ và cuống lá màu xanh6

5b. Thân đơn độc hoặc mọc thành bụi nhưng sau đó chỉ còn 1 đến 2 thân chính và các chồi nhỏ; mặt cắt cành hoa hình tam giác; bẹ

- và cuống lá màu vàng nhạt7
- 6a. Thân có vẩy màu nâu đỏ rải rác; phân bố ở phía Bắc và Bắc Trung Bộ *P. baviensis*
- 6b. Thân bao phủ liên tục bởi vẩy màu xám hoặc nâu; phân bố phía Nam...*P. quadrijuga*
- 7a. Lá chét dính với nhau ở gốc; cành hoa tự xòe rộng, nằm ngang*P. declinata*
- 7b. Lá chét không dính với nhau ở gốc; cành hoa tự rủ xuống8
- 8a. Lá chét hình dải hẹp, có 26 lá chét mỗi bên trục lá; hoa tự 5 - 7 nhánh*P. adangensis*
- 8b. Lá chét rộng, hai mép cong xuống hình thuyền, có 6 - 12 lá chét mỗi bên trục lá; hoa tự có 2 - 5 nhánh.....*P. annamensis*

Sau khi phân tích các đặc điểm hình thái, so sánh với các loài trong chi *Pinanga* phân bố ở châu Á, đồng thời căn cứ vào khóa định loại chi *Pinanga*, nhóm nghiên cứu đã khẳng định đây là loài Cau chuột a đang *Pinanga adangensis* Ridl., lần đầu tiên được ghi nhận cho khu hệ thực vật Việt Nam. Dưới đây là đặc điểm của loài này:

***Pinanga adangensis* Rild.. Tài liệu công bố:** *J. Straits Branch Roy. Asiat. Soc. 61: 62 1912*. Tên phổ thông: Cau chuột a đang.

Đặc điểm hình thái (theo bản gốc mô tả năm 1912 và bổ sung): Là loài thực vật thân

cau, mọc thành bụi, thân cao tới 7 m, đường kính 4 cm. Lá hình lông chim, bẹ lá mập dài 30 - 40 cm màu vàng nhạt có lông màu tía; cuống lá dài 30 - 50 cm. trục lá dài 1,5 - 2 m; lá chét có 26 lá mỗi bên, xếp đều trên và sát nhau trục, màu xanh ở mặt dưới, hình dải với đỉnh nhọn, lá chét lớn nhất ở giữa dài 50 - 60 cm, rộng 1,5 - 4 cm; cặp lá chét ở đỉnh dính với nhau ở đáy, dài 20 cm, rộng 5 cm. Cụm mo mọc dưới bẹ lá, hình thuôn, dài 17,5 cm, rộng 7,5 cm, các mép có gờ hình thuyền; hoa tự có 6 nhánh, với nhánh lớn nhất dài 17,8 cm; trục hoa khúc khuỷu, dẹt, mặt cắt có hình tam giác, dày 0,3 cm; các hoa xếp thành hai dãy; các hoa đực có đế rất nhỏ, đài hình trung, tràng hình trứng có cạnh dạng tam giác, đầu có mũi nhọn cong hình lưỡi liềm, dài 0,63 cm; nhị 20, chỉ nhị rất ngắn, bao phấn hình thuôn, đầu tù; hoa cái có các đài và tràng hình trứng tròn với đỉnh nhọn, gần bằng nhau. Quả hình trứng ngược, dài 1 - 1,8 cm, rộng 0,6 - 1 cm, hơi thuôn nhỏ ở phần gần cuống, quả chín có màu đỏ đến màu tím đen.

Loc. Class.: Peninsular Thailand: Adang Island. **Isotype:** Ridley, H. N. 15885, tháng 4/1911 (Kew, K000208042!).



Hình 1. Thân, bẹ và quả *Pinanga adangensis*



Hình 2. Quả chín của *P. adangensis*



Hình 3. Hình thái lá *P. adangensis*



Hình 4. Sinh cảnh sống ven suối *P. adangensis*

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 5, mùa quả chín tháng 10. Loài thường xuất hiện ở rừng mưa nhiệt đới vùng thấp, đặc biệt sinh cảnh sống ưa thích là các đảo nhiệt đới, thường xuất hiện ở nơi ẩm ướt ven sông, suối, ở độ cao dưới 200 m so với mực nước biển.

Công dụng: Cây được sử dụng phổ biến làm cảnh.

Thảo luận:

Về hình thái, Cau chuột a đang *Pinanga adangensis* có hình thái thân và hoa tự tương đối gần với loài Cau chuột trung bộ *P. annamensis*, Cau chuột ba vì *P. baviensis* hay Cau chuột lang *P. Quadrijuga* nhưng Cau chuột a đang khác ở chỗ lá chét hình giải (hẹp hơn rất nhiều), số lượng lá chét cũng nhiều hơn rất nhiều, số nhánh hoa tự cũng thường nhiều hơn từ các loài trên 1 - 3 nhánh. Hình thái lá và thân của của *P. adangensis* cũng tương đối gần với loài *P. declinata* là loài mới được mô tả cho khoa học năm 2008 (với lá chét hình giải, số lượng lá chét 26 so với 21), nhưng hoa tự hoàn toàn khác, hoa tự của *P. adangensis* rủ xuống, trong khi hoa tự của *P. declinata* xòe rộng và nằm ngang.

Về tình trạng, loài này lần đầu tiên được thu mẫu tại khu rừng đầm lầy ẩm ướt vùng Pulau Rawi ở đảo Adang, Thái Lan. Sau đó, các nhà

nghiên cứu đã bổ sung vùng phân bố của chúng ở Peninsular Thái Lan và Peninsular Malaysia (Lim Chong Keat, 1998). Chúng là loài đang bị khai thác mạnh làm cây cảnh ở hai quốc gia này. Ở Việt Nam, mới chỉ thấy loài này tại đảo Phú Quốc, trong sinh cảnh quen thuộc là ven suối ẩm ướt của hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh trên đảo. Vùng phân bố của chúng tương đối hẹp, chỉ tìm thấy chúng ở một vài điểm ven suối trong phạm vi không quá 10 km², với số lượng cá thể không nhiều.

IV. KẾT LUẬN

Chi *Pinanga* là các loài thực vật họ Cau, có hình thái dạng cây bụi nhỏ, đóng vai trò quan trọng về cấu trúc tầng dưới tán của rừng Việt Nam. Với việc ghi nhận bổ sung thêm loài Cau chuột a đang *Pinanga adangensis* đã nâng tổng số loài trong chi *Pinanga* thành 9 loài ở khu hệ thực vật rừng Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay loài Cau chuột a đang mới chỉ được ghi nhận duy nhất tại Vườn quốc gia Phú Quốc, ở một vài điểm ven suối, ở độ cao dưới 100 m so với mực nước biển, với phạm vi hẹp.

Do phân bố hẹp và số lượng cá thể không nhiều, đồng thời có giá trị làm cảnh, nên trong tương lai, loài này có thể sẽ bị áp lực bởi khai thác cây cảnh hoặc dễ bị tiêu diệt nếu mất sinh

cảnh sống. Trong khi đó, tại Vườn quốc gia Phú Quốc, sinh cảnh rừng đang bị áp lực do lấy đất phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển du lịch. Bởi vậy, kiến nghị với các cơ quan chức năng tỉnh Kiên Giang và Ban quản lý Vườn quốc gia Phú Quốc chú ý đưa loài này vào một trong những mục tiêu bảo tồn, bảo vệ sinh cảnh sống của chúng, vì cho đến nay, chúng là loài thực vật có phân bố duy nhất ở đây trên lãnh thổ Việt Nam.

LỜI CẢM ƠN

Các tác giả xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Vườn Thực vật New York, lãnh đạo Viện Điều tra, Quy hoạch rừng và các đồng nghiệp; xin gửi lời cảm ơn tới các nhà tài trợ chính cho chương trình là Hiệp hội Cau dừa thế giới (IPS), Quỹ Khoa học quốc gia Hoa Kỳ, Hiệp hội Địa lý quốc gia Hoa Kỳ, học bổng Chương trình Fulbright Hoa Kỳ và Quỹ John D. và Catherine T. MacArthur; đặc biệt, xin cảm ơn sâu sắc tập thể Ban quản lý Vườn quốc gia Côn Đảo và người dân vùng đệm đã giúp đỡ trong quá trình nghiên cứu họ Cau tại khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Phương Anh (2008). Nghiên cứu phân loại họ Cau (Arecaceae Achulz-Sch.) ở Việt Nam. Luận án tiến sỹ sinh học, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hà Nội.
2. Dransfield, J., Natalie W. Uhl, Comy B. Asumssen, William J. Baker, Madeline M. Harley and Carl E. Lewis (2008). Genera Palmarum the evolution and classification of Palms. Kew Publishing, Royal Botanic Garden, Kew.
3. Dransfield, J., A. S. Barfod & R. Pongsattayapayat (2004). A preliminary checklist of Thai Palms. Thailand Forest Bulletin (Botany.): No. 32, P. 32-72.
4. Gagnepain et Conrad (1937). *Flore générale de L'Indochine: Palmier*. In H. Lecomte, Flore Générale de l'Indochine. Tome VI, Paris, Mason.
5. Henderson, A. (2009). A Field Guide to the Palms of Southern Asia. Princeton University Press.
6. Henderson, A., N. K. Ban & N. Q. Dung (2008). New Species of *Pinanga* (Palmae) from Vietnam. Palms 52 (2): P. 63-69.
7. Phạm Hoàng Hộ (1999). Cây cỏ Việt Nam, quyển III. Nhà Xuất bản trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
8. Lim Chong Keat (1998). Notes on Recent Palm Species and Records from Peninsular Thailand. *Principle Vo. 42(2)*: P. 110-119
9. Ridley, H. N. (2012). A botanical Excursion to Pulau Adang. Journal of Straits Branch Royal Asiatic Society No. 61, P. 62.

***Pinanga adangensis* Ridl. OF PALM FAMILY NEW RECORD SPECIES TO THE VIETNAM FLORA IN PHU QUOC NATIONAL PARK**

Nguyen Quoc Dung¹, Tran Ngoc Hai², Andrew Handerson³, Nguyen Phu Nam⁴

¹Forest Inventory and Planning Institute,

²Vietnam National University of Forestry,

³Institute of Systematic Botany, New York Botanical Garden Bronx, New York 10458, USA

⁴Phú Quốc district, Kiên Giang province

SUMMARY

Pinanga adangensis Ridl. has been identified as a new record and one of the nine species of *Pinanga* genus to Vietnam by the Palm specialists from New York Botanical Garden, Forest Inventory and Planning Institute and Vietnam National University of Forestry. Before recorded to Vietnam, this species was found only in the Peninsular Thailand and Peninsular Malaysia in favorite habitats of island tropical forests. This species is a small-sized palm understorey of evergreen forest; stem clustered, up to 7 m high, 4 cm in diameter. *Pinanga adangensi* canopy is beautiful and potential for ornamental palm. This is narrowly distributed, only found in some wet areas or near streams in Phu Quoc National Park, Kien Giang province.

Keywords: Arecaceae, new record, Phu Quoc island, *Pinanga adangensis*.

Ngày nhận bài : 01/8/2017

Ngày phản biện : 28/11/2017

Ngày quyết định đăng : 05/12/2017